TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 11 - 2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Tiểu Nhi

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị S, sinh năm 1988, (có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.

2. Bị đơn: Anh Chang Te L, sinh năm 1966, (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, K007, P. T, Tp. P, huyện G, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày: Chị và anh Chang Te L xây dựng hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/8/2012. Sau khi kết hôn, chị và anh Chang Te L chung sống với nhau khoảng 02 tuần tại nhà cha mẹ chị ở Bạc Liêu, sau đó anh Chang Te L về Đài Loan. Khoảng 01 tháng sau khi đăng ký kết hôn, anh Chang Te L sang Việt Nam thăm chị và anh chị cùng nhau lên thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục phỏng vấn để anh Chang Te L bảo lãnh chị sang Đài Loan chung sống, nhưng do chị phỏng vấn không đạt, nên anh Chang Te L trở về Đài Loan và cắt liên lạc với chị đến nay. Do vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2012 đến nay, tình cảm không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Chang Te L.

Về con chung: Chị Lê Thị S xác định, chị và anh Chang Te L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Chang Te L, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp để tống đạt văn bản tố tụng cho anh Chang Te L, triệu tập anh Chang Te L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 02/11/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận được Văn bản số 2704/BTP-PLQT ngày 24/102022 của Bộ Tư pháp thông báo kết quả thực hiện ủy tác tư pháp cho anh Chang Te L có nội dung: "*Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 24/6/2022 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn Công an*". Tuy nhiên, anh Chang Te L không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình theo yêu cầu ly hôn của chị S gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị S đối với anh Chang Te L. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung chị S xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết; án phí chị S phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu tranh luận của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị S là công dân Việt Nam, cư trú tại tỉnh Bạc Liêu khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Chang Te L là người có quyết tịch Đài Loan, hiện đang cư trú tại Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[1.2] Về việc ủy thác tư pháp tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự là người nước ngoài, đang định cư ở nước ngoài: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với bị đơn anh Chang Te L đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Chang Te L không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa, nên căn cứ các Điều 474, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Chang Te L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị S và anh Chang Te L: Theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 23/8/2012, thì có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị Lê Thị S và anh Chang Te L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị Lê Thị S xác định, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau trong thời gian ngắn, sau khi chị phỏng vấn không đạt anh Chang Te L về Đài Loan thì anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ cuối năm 2012 đến nay, chị S và anh Chang Te L không còn liên lạc với nhau, mỗi người ở một nơi, chị S không thể sang Đài Loan được và anh Chang Te L thì không sang Việt Nam nữa.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình", theo đó thì giữa chị S và anh Chang Te L đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện nay chị S và anh Chang Te L không còn liên lạc với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị S đối với anh Chang Te L, xử cho chị được ly hôn với anh Chang Te L là có căn cứ.

[2.3] Xét quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị S xác định quá trình chung sống chị và anh Chang Te L không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị S, con chung, tài sản chung và nợ chung chị S không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp, chị Lê Thị S phải chịu toàn bộ, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 273, Điều 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1

Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị S đối với anh Chang Te L.

Xử cho chị Lê Thị S, sinh năm 1988 được ly hôn với anh Chang Te L, sinh năm 1966.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí, lệ phí và chi phí ủy thác tư pháp:

3.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Lê Thị S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000048 ngày 18/10/2021, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3.2. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Lê Thị S phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), chị S đã nộp lệ phí ủy thác tư pháp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0000063 ngày 06/12/2021, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, đã chuyển thu lệ phí không được hoàn lại.

Chị Lê Thị S có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Chang Te L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM (01b)
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b)
- UBND tỉnh Bạc Liêu (01b)
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu (01b)
- Đương sự (2b)
- Lưu HS, Tổ HCTP (2b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn